



BẢN TIN THÁNG:

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO - SỐ 09

THÁNG 03/2021



A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:**I. GIÁ GAO TRONG THÁNG 03: (Nguồn Oryza.com)**

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	THẤP NHẤT	CAO NHẤT	BÌNH QUÂN	So T02.21	So T03.20
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	500	528	516	-29	+35
	5% tấm	490	518	506	-29	+34
	25% tấm	472	502	490	-23	+45
	Hom Mali 92%	783	817	802	-26	-181
	Gạo đỏ 100% Stxd	490	523	507	-26	+24
	A1 Super	427	462	448	-19	+48
VIỆT NAM	5% tấm	493	522	512	-8	+101
	25% tấm	468	497	485	-9	+91
	Jasmine	548	577	565	-27	+46
	100% tấm	428	442	437	-11	+107
ẤN ĐỘ	5% tấm	398	412	408	+13	+52
	25% tấm	358	372	368	+13	+32
	Gạo đỏ 5% Stxd	383	387	385	-3	+20
	100% tấm Stxd	278	287	284	12	-9
PAKISTAN	5% tấm	438	447	441	-9	+57
	25% tấm	388	397	393	-10	+46
	100% tấm Stxd	358	372	363	+1	+45
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	458	462	460	0	+34
MỸ	4% tấm	576	584	579	-8	-6
	15% tấm (Sacked)	556	570	561	-4	-4
	Gạo đỏ 4% tấm	583	590	588	-6	+8
	Calrose 4%	893	960	920	+51	+80

II. SỰ KIẾN TRONG THÁNG:**1. Dự báo thị trường thương mại gạo toàn cầu:**

Cập nhật T03.2021	Sản lượng 2020/21 (triệu tấn)	So 2019/20	Thương mại 2020/21 (triệu tấn)	So 2019/20	Tồn kho cuối kỳ 2020/21 (triệu tấn)	So 2019/20
IGC	504,0	+1,00%	46,0	+4,55%	174,0	0,00%
USDA	682,5	+2,00%	46,3	+2,00%	177,8	+0,50%
FAO	513,2	+2,07%	48,2	+6,87%	182,5	+0,16%

2. Dự báo tình hình xuất khẩu toàn cầu niên vụ 2020/2021:

(Theo USDA đến ngày 09/04/2021; ĐVT: triệu tấn)

Nước xuất khẩu	2017	2018	2019	2020	2021 (T3.2021)	2021 (T4.2021)	Điều chỉnh
Ấn Độ	12,573	11,791	9,813	14,560	15,500	15,500	-
Thái Lan	11,615	11,213	7,562	5,706	6,100	6,200	+0,100
Việt Nam	6,488	6,590	6,581	6,167	6,400	6,400	-
Pakistan	3,647	3,913	4,550	3,934	4,000	4,000	-
Mỹ	3,349	2,776	3,138	2,865	3,050	3,000	-0,050
Các nước khác	10,687	11,687	11,994	11,734	11,089	10,875	-0,214
Cả Thế giới	48,359	47,970	43,638	44,966	46,139	45,975	-0,164

3. Dự báo tình hình nhập khẩu toàn cầu niên vụ 2020/2021

(Theo USDA đến ngày 09/04/2021; ĐVT: triệu tấn)

Nước nhập khẩu	2017	2018	2019	2020	2021 (T3.2021)	2021 (T4.2021)	Điều chỉnh
Trung Quốc	5,900	4,500	2,800	3,200	2,900	2,900	-
Philippines	1,200	2,500	2,900	2,450	2,200	2,000	-0,200
Nigeria	2,500	2,100	1,800	1,800	1,800	1,800	-
Senegal	1,100	1,100	1,000	1,150	1,175	1,125	-0,050
Saudi Arabia	1,195	1,290	1,425	1,613	1,500	1,500	-
Bangladesh	2,400	1,400	0,080	0,020	1,300	1,300	-
Bờ Biển Ngà	1,350	1,500	1,350	1,100	1,200	1,200	-
Malaysia	0,900	0,800	1,000	1,220	1,100	1,100	-
Iraq	1,161	1,237	1,263	0,970	1,000	1,000	-
Liên Minh Châu Âu	1,990	1,922	2,159	2,409	2,450	2,450	-
Các nước khác	28,663	29,621	27,861	29,034	29,514	29,600	+0,086
Cả Thế giới	48,359	47,970	43,638	44,966	46,139	45,975	-0,164

4. Các thị trường chính:

Thái Lan, kết thúc tháng 03/2021 với giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức 492 USD/tấn, giảm 27 USD/tấn so với thời điểm tháng 02/2021 và giảm 28 USD/tấn so cùng kỳ năm trước.

Thái Lan xuất khẩu 407.800 tấn gạo trong tháng 02/2021, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế xuất khẩu 2 tháng đầu năm 2021 đạt 829.277 tấn, giảm 12,6% so với cùng kỳ năm 2020. Bộ Thương mại Thái Lan đề ra mục tiêu xuất khẩu 6 triệu tấn gạo trong năm 2021, cao hơn mức 5,7 triệu tấn năm 2020. Các thị trường mục tiêu chính của nguồn cung này trong năm nay là: Indonesia, Trung Quốc, Bangladesh và Iraq theo hình thức thỏa thuận cấp chính phủ (G2G).

Bộ Thương mại Thái Lan đang phối hợp với Hiệp hội Các nhà Xuất khẩu Gạo Thái Lan để xúc tiến ngành gạo nước này thông qua chiến dịch “Nghĩ đến hạt gạo, nghĩ đến Thái Lan”. Bên cạnh đó, chính phủ Thái Lan cũng đang lên kế hoạch xuất khẩu các chủng loại gạo cao cấp sang Canada.

Chính phủ Thái Lan đã chi hơn 8,3 tỷ baht (khoảng 270 triệu USD) để hỗ trợ người trồng lúa trên cả nước và thông qua mức ngân sách 3,83 tỷ baht (khoảng 124 triệu USD) hỗ trợ cho hơn 110.000 hộ gia đình trong khuôn khổ chương trình đảm bảo thu nhập cho người trồng lúa.

Ấn Độ, kết thúc tháng 03/2021 với giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức 410 USD/tấn, tăng 10 USD/tấn so với thời điểm tháng 02/2021 và tăng 58 USD/tấn so cùng kỳ năm trước.

Ấn Độ xuất khẩu hơn 2 triệu tấn gạo trong tháng 02/2021, bao gồm 1,616 triệu tấn gạo non-basmati và 391.746 tấn gạo basmati, gấp đôi cùng kỳ năm trước, chủ yếu nhờ khối lượng xuất khẩu gạo non-basmati tăng mạnh. Tính đến ngày 01/03/2021, tồn kho gạo Ấn Độ đạt mức 51,35 triệu tấn (đã bao gồm 34,502 triệu tấn lúa quy gạo), tăng 2% so với cùng kỳ năm trước và tăng 2% so với thời điểm 01/02/2021.

Pakistan, kết thúc tháng 03/2021 với giá chào gạo trắng 5% tằm ở mức 440 USD/tấn, không đổi so với thời điểm tháng 02/2021 và tăng 55 USD/tấn so cùng kỳ năm trước.

Pakistan xuất khẩu 315.625 tấn gạo trong tháng 02/2021, gồm 61.298 tấn gạo basmati và 254.327 tấn gạo non-basmati, giảm 3% so với cùng kỳ tháng trước và giảm 13% so với cùng kỳ năm trước.

Miến Điện, tiếp tục bị đình trệ do hệ lụy của cuộc chính biến vào hôm 01/02/2021. Thiếu nhân công, ngân hàng đóng cửa, một số cơ quan chức năng chưa hoạt động lại bình thường cũng như chuỗi logistics bị gián đoạn là những nguyên nhân khiến hoạt động xuất khẩu gạo gần như bị tê liệt hoàn toàn. Chính phủ Miến Điện cũng tạm thời dừng cấp giấy phép xuất khẩu đối với mặt hàng gạo từ ngày 08/03 đến ngày 09/04/2021.

Campuchia, xuất khẩu 41.949 tấn gạo trong tháng 02/2021, giảm 51% so với cùng kỳ năm ngoái và tăng 22% so với tháng 01/2021. Thiếu container rỗng và cước vận chuyển tăng cao đang ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu gạo của nguồn cung này khi lũy kế xuất khẩu hai tháng đầu năm 2021 giảm 44% so với cùng kỳ 2020.

Bangladesh, chính phủ nước này đã thông qua kế hoạch nhập khẩu trực tiếp 350.000 tấn gạo (DPM) từ Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam. Vào hôm 10/03/2021, chính phủ Bangladesh chính thức giảm thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng gạo non-parboiled từ 65% xuống còn 25% trong nỗ lực tăng cường nguồn cung gạo trên thị trường tiêu thụ nội địa.

Indonesia, sẽ không nhập khẩu gạo cho đến thời điểm tháng 06/2021 do nước này đang vào thời gian thu hoạch vụ chính. Biên bản thương mại gạo vừa được ký kết trong tháng với hai nguồn cung lớn là Việt Nam và Thái Lan là một phương án đảm bảo trong trường hợp dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp bất thường.

Philippines, tính đến ngày 01/02/2021, tồn kho gạo cả nước đạt 2,193 triệu tấn, giảm 7,6% so với cùng kỳ năm trước và giảm khoảng 6% so với thời điểm 01/01/2021. Sản lượng lúa quý I/2021 ước đạt 4,583 triệu tấn, cao hơn một chút so với con số 4,581 triệu tấn ước tính ban đầu.

Trung Quốc, bắt đầu nhập khẩu gạo basmati và non-basmati của Ấn Độ với khối lượng ước tính trong năm thị trường 2020/21 có thể lên đến mức 400.000 tấn.

Châu Âu, từ ngày 08/03/2021, thuế nhập khẩu đối với gạo lứt các loại chính thức giảm từ 65 euro (#71USD) xuống còn 30 euro (#42USD). Từ ngày 01/09/2020-21/03/2021 năm thị trường 2020/21, EU và Anh đã nhập khẩu 642.808 tấn gạo xay xát các loại, giảm 13% so với cùng kỳ năm trước.

5. Thông tin thầu:

Nhật Bản:

- Mua và bán đồng thời tổng cộng 7.288 tấn gạo trong đợt thầu SBS (Simultaneous Buy-Sell) thứ tám của năm tài chính 2020/21 (4/2020-3/2021) diễn ra vào hôm 03/03/2021.

- Nhập khẩu 37.980 tấn gạo (non-glutinos) thông qua đợt thầu quốc tế mở ngày 05/03/2021. Đây là đợt thầu thứ 11 trong năm tài chính 2020/21 (04/2020-03/2021) của Nhật Bản.

- Nhập khẩu 87.811 tấn gạo (non-glutinos) thông qua đợt thầu quốc tế mở ngày 19/03/2021. Đây là đợt thầu thứ 12 trong năm tài chính 2020/21 (04/2020-03/2021) của Nhật Bản.

Hàn Quốc, Công ty Thương mại Thực phẩm và Nông - Thủy sản Hàn Quốc (KAFTC) đã nhập khẩu 16.667 tấn gạo lứt hạt ngắn (non-glutinous) trong đợt thầu mở ngày 04/03/2021 vừa qua.

KAFTC cũng thông báo đợt thầu nhập khẩu mới cho số lượng 208.217 tấn gạo lứt/trắng (non-glutinous). Hạn chót nhận hồ sơ dự thầu là 15h ngày 25/03/2021, giờ địa phương.

Mauritius thông báo mở đợt thầu nhập khẩu quốc tế cho số lượng 4.000 tấn gạo trắng hạt dài từ các nguồn cung chỉ định. Hạn chót nhận hồ sơ dự thầu trực tuyến là 13h30 ngày 14/04/2021, giờ địa phương. Thời gian mở thầu là lúc 14h00 ngày 16/04/2021, giờ địa phương.

Bangladesh, thông báo đợt thầu nhập khẩu mới cho số lượng 50.000 tấn gạo đồ non-basmati từ một số nguồn cung chỉ định. Đây là đợt thầu thứ 12 trong năm tài chính 2020/21.

Kết quả đợt thầu thứ 10 công bố vào hôm 18/03/2021 thuộc về một công ty Ấn Độ với số lượng 50.000 tấn gạo đồ non-basmati, giá 430,33 USD/tấn.

Kết quả đợt thầu thứ 11 công bố vào hôm 24/03/2021 thuộc về một công ty Ấn Độ với số lượng 50.000 tấn gạo đồ non-basmati, giá 416 USD/tấn.

Iraq, Bộ Thương mại mở thầu tìm kiếm nguồn cung quốc tế cho số lượng 30.000 tấn gạo. Thời hạn nhận hồ sơ thầu: chậm nhất ngày 05/04/2021 và giá chào thầu phải có hiệu lực đến ngày 08/04/2021.

III. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC: (Nguồn: www.xe.com)

Ngoại tệ	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân
Yuan Trung Quốc (CNY)	6,46	6,57	6,51
Euro (USD/Euro)	1,17	1,21	1,19
Rupiah Indonesia (IDR)	14.249,97	14.569,77	14.397,87
Rupee Ấn Độ (INR)	72,32	73,45	72,80
Yen Nhật Bản (JPY)	106,61	110,72	108,70
Philippines Peso (PHP)	48,45	48,69	48,58
Pakistan Rupees (PKR)	152,58	158,02	156,09
Baht Thái Lan (THB)	30,28	31,36	30,79
Vietnamese Dong (VND)	22.952,29	23.220,74	23.113,10

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GAO:

1. Kết quả xuất khẩu:

Theo số liệu tổng hợp, xuất khẩu tháng 3/2021 đạt 539.040 tấn, trị giá 290,833 triệu USD so với cùng kỳ về số lượng giảm 18,28% và về trị giá giảm 3,96%. Lũy kế xuất khẩu quý 1 năm 2021 đạt 1,192 triệu tấn, trị giá 648,639 triệu USD so với cùng kỳ về số lượng giảm 24,97% và về trị giá giảm 11,59%.

**** Thị trường xuất khẩu lũy kế 3 tháng/2021:***

Thị Trường	Số lượng (tấn)	Trị giá (USD/tấn)	Chiếm (%)
Angola	380	188.396	0,03%
Australia	7.398	4.739.053	0,62%
Belgium	465	281.933	0,04%
China	256.516	136.168.803	21,51%
Cuba	60.900	32.211.228	5,11%
East Timor	27.611	922.924	2,32%
France	1.223	832.933	0,10%
Ghana	94.379	55.909.055	7,92%
Hongkong	22.457	13.888.180	1,88%
Indonesia	2.090	1.101.709	0,18%
Ivory Coast	87.787	44.339.030	7,36%

SỐ 9 - THÁNG 03/2021

Laos	4.802	2.320.314	0,40%
Malaysia	79.235	42.548.392	6,65%
Mozambique	6.701	4.186.421	0,56%
Netherlands	1.792	1.180.862	0,15%
Papua New Guinea	10.424	5.120.368	0,87%
Philippines	411.581	219.956.126	34,52%
Poland	1.289	799.480	0,11%
Russia	270	206.141	0,02%
Saudi Arabia	6.814	4.292.288	0,57%
Senegal	281	180.880	0,02%
Singapore	24.735	14.407.869	2,07%
South Africa	1.406	866.071	0,12%
Spain	139	101.080	0,01%
Taiwan	6.108	3.306.650	0,51%
Tanzania	2.000	1.285.500	0,17%
Turkey	1.157	809.999	0,10%
Ukraine	224	173.940	0,02%
United Arab Emirates	10.116	6.159.548	0,85%
United States of America	5.044	3.825.791	0,42%
<i>Các nước khác</i>	<i>56.999</i>	<i>46.328.428</i>	<i>4,78%</i>
TỔNG CỘNG	1.192.324	648.639.392	100,00%

2. Bảng tàu xếp hàng:

Từ ngày 01/03 – 31/03/2021, có 37 tàu vào các cảng xếp hàng với số lượng dự kiến 392.180 tấn gạo các loại (32 tàu cảng Hồ Chí Minh và 05 tàu cảng Mỹ Thới).

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Nihat M	HCM	01/03/2021	11.000	Syria
2	Việt Hải Star	HCM	01/03/2021	4.800	Philippines
3	Hải Phương 619	HCM	04/03/2021	4.500	Philippines
4	Hòa Bình 45	HCM	04/03/2021	4.000	Philippines
5	Hải Phương Ocean	HCM	05/03/2021	4.000	Philippines
6	Hoàng Triều 36	HCM	06/03/2021	6.400	Malaysia
7	Hòa Bình 27	HCM	08/03/2021	2.600	Philippines
8	Trường Lộc 16	HCM	08/03/2021	4.850	Philippines
9	Ocean 39	HCM	10/03/2021	6.600	Philippines
10	Quang Minh	Mỹ Thới	12/03/2021	3.900	Malaysia
11	Hải Phương Sun	HCM	13/03/2021	4.000	Philippines
12	Sea Dragon 9999	HCM	15/03/2021	4.900	Malaysia

SỐ 9 - THÁNG 03/2021

13	Việt Thắng 136	HCM	16/03/2021	4.800	Philippines
14	Selin M	HCM	17/03/2021	11.500	Châu Phi
15	An Bình 18	HCM	18/03/2021	3.950	Philippines
16	Quang Minh 5	HCM	18/03/2021	4.000	Malaysia
17	Mekong	Mỹ Thới	19/03/2021	4.100	Malaysia
18	New Xa La	Mỹ Thới	19/03/2021	4.300	Philippines
19	Amethyst	HCM	20/03/2021	34.500	Châu Phi
20	Hòa Bình 45	HCM	20/03/2021	4.800	Philippines
21	Regal	HCM	20/03/2021	39.000	Châu Phi
22	Roya 45	HCM	22/03/2021	4.000	Philippines
23	Royah 18	HCM	22/03/2021	5.000	Philippines
24	Quang Minh 6	HCM	24/03/2021	4.000	Philippines
25	Hải Dương Star	Mỹ Thới	26/03/2021	3.000	Philippines
26	Hoàng Dương 88	Mỹ Thới	26/03/2021	2.080	Philippines
27	MD Sun	HCM	26/03/2021	6.500	Philippines
28	Hải Phương 619	HCM	27/03/2021	5.000	Philippines
29	Hòa Bình 09	HCM	27/03/2021	6.400	Philippines
30	HTK Venus	HCM	29/03/2021	3.900	Philippines
31	Lenor	HCM	29/03/2021	30.000	Cuba
32	Obe Queen	HCM	29/03/2021	43.000	Châu Phi
33	Quang Minh 18	HCM	29/03/2021	3.900	Philippines
34	Việt Hải Sun	HCM	29/03/2021	3.900	Philippines
35	BMC Cosmo	HCM	30/03/2021	7.000	Bangladesh
36	Quang Minh 29	HCM	31/03/2021	6.000	Malaysia
37	Tứ Sơn	HCM	31/03/2021	6.000	Philippines
Tổng				392.180	

II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:**1. Tiến độ sản xuất:**

Theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

* Từ ngày 01/03 đến 31/03/2021:

- Vụ Đông Xuân 2020-2021 đã thu hoạch được 993 ngàn ha với năng suất khoảng 72,44 tạ/ha.

* Tính đến ngày 31/03/2021:

- Vụ Đông Xuân 2020-2021 đã xuống giống được 1,520 triệu ha/1,550 triệu ha đạt 100% diện tích kế hoạch, đã thu hoạch được 1,224 triệu ha với năng suất khoảng 72,44 tạ/ha, đạt sản lượng khoảng 8,867 triệu tấn.

2. Giá lúa gạo nội địa ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long:

Loại Hàng	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	Giá BQ	So với T02/2021	So với T03/2020
Lúa Tươi Tại Ruộng					
Hạt dài	7.100	6.150	6.563	-368	+1.152
Lúa thường	6.900	6.150	6.600	-245	+1.529
Lúa Khô/ Ướt Tại Kho					
Hạt dài	8.250	6.800	7.571	-379	+1.345
Lúa thường	8.000	6.800	7.551	-245	+1.683
Gạo Nguyên Liệu					
Lứt loại 1	10.200	9.300	9.738	-716	+1.575
Lứt loại 2	10.200	9.250	9.702	-537	+2.227
Xát trắng loại 1	11.450	10.550	11.006	-573	+1.427
Xát trắng loại 2	11.350	10.500	11.050	-111	+2.349
Phụ Phẩm					
Tám 1/2	9.650	8.950	9.232	-373	+2.299
Tám 2/3	9.250	7.750	8.394	-277	+2.254
Tám 3/4	8.350	7.650	7.981	-260	+2.289
Cám xát	7.200	6.550	6.863	-376	+2.061
Cám lau	7.200	6.550	6.863	-376	+2.042
Gạo TPXK Không Bao Tại Man					
Gạo trắng 5% tám	12.150	10.600	11.446	-275	+2.430
Gạo trắng 10% tám	12.000	10.950	11.500	-408	+2.625
Gạo trắng 15% tám	11.900	10.400	11.194	-256	+2.421
Gạo trắng 20% tám	11.600	10.750	11.238	-404	+2.506
Gạo trắng 25% tám	11.400	10.000	10.835	-251	+2.318

C/ HẠT GẠO & MÓN NGON VIỆT NAM:

1. Giống gạo Việt Nam: OM48

* Nguồn gốc:

OM48 là giống lúa thuần do Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long nghiên cứu chọn tạo từ tổ hợp lai FL478/OM4218//LT18.

* Đặc điểm chính:

Thời gian sinh trưởng rất ngắn từ 95 – 100 ngày. Phản ứng với đạo ôn (cấp 1-3) và rầy nâu (cấp 1-3) trong điều kiện thanh lọc nhân tạo, đặc biệt có khả năng chịu phèn mặn. Tiềm năng năng suất 5,0 - 8,0 tấn/ha.



(Nguồn ảnh: Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long)

*** Điển hình đã áp dụng thành công:**

Giống lúa canh tác được các vụ trong năm và thích hợp cho các vùng sinh thái ở Đồng bằng sông Cửu Long và vùng nhiễm phèn mặn.

*** Đặc tính cơm:**

Hạt gạo đẹp, thon dài 7,6 – 8,0mm; Hàm lượng amylose 17,0 – 20,8%. Đặc biệt, khi nấu lên cơm trắng mềm dẻo và có mùi thơm nhẹ.



(Nguồn ảnh: Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long)

(Nguồn: Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long)

2. Món ngon Việt Nam:

Bánh xèo là một loại bánh Việt Nam, có bột bên ngoài, bên trong có nhân là tôm, thịt, giá đỗ, được rán màu vàng, đúc thành hình tròn hoặc gấp lại thành hình bán nguyệt. Cái tên “bánh xèo” bắt nguồn từ âm thanh khi lớp bột gạo “hạ cánh” trên chiếc chảo nóng và chiên đến giòn rụm. Ở mỗi vùng miền, bánh có kích cỡ và thành phần nguyên liệu khác nhau, nhờ đó mà chúng ta có rất nhiều phiên bản bánh xèo đặc sắc và ngon miệng.



(Ảnh minh họa)

Có khá nhiều ý kiến về nguồn gốc bánh xèo. Có người cho rằng nó là biến thể của bánh khoai của Huế; người khác lại cho rằng công thức này được học từ người Chăm trong nhiều thế kỷ trước; cũng có ý kiến nói rằng ẩm thực Nam Ấn trước thế kỷ XI mới đúng là nguồn cảm hứng tạo nên bánh xèo.

Nhưng bất kể nguồn gốc thật sự là gì, phải thừa nhận rằng chiếc bánh xèo miền Trung vẫn là nguyên bản của vô số biến thể khác. Ở các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi hay Quảng Nam, bánh xèo có kích cỡ vừa và được cuộn trong bánh tráng. Đi về phía Nam đến các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận, người ta dùng hải sản làm nhân bánh thay cho thịt heo và giá đỗ, với nước chấm là nước mắm pha với ớt và sốt đậu phộng rang; bánh xèo ở đây có kích cỡ nhỏ hơn và thỉnh thoảng được cuộn với rau sống.

Bánh xèo miền Trung thường được ăn kèm với khế chua, chuối chát và nhiều loại rau thơm. Trong khi đó, các đầu bếp miền Nam pha nước cốt dừa vào khâu trộn bột, rồi cho thêm nấm hoặc ngó sen vào làm nhân. Mỗi người làm bánh xèo lại có một công thức riêng, kết hợp các nguyên liệu cơ bản là nước mắm, chanh và ớt với một loạt gia vị khác, tạo nên sự đa dạng về hương vị cho món ăn.

Càng đi dọc đất nước về phía Nam sẽ thấy kích cỡ của chiếc bánh xèo càng lớn dần. Tại Cần Thơ, Biên Hòa và Sài Gòn, ta thấy những chiếc bánh xèo to thật to với phần nhân bao gồm nào là đậu xanh, thịt heo, tôm, và giá, đi kèm là đĩa rau sống và rau thơm tươi sạch và đa dạng. Ở Cần Thơ có thêm lá chiết, ở Đồng Tháp thêm lá bằng lăng, ở Vĩnh Long có thêm lá xoài non, ở Bạc Liêu có thêm lá cách.



(Ảnh minh họa)

Để có được một chiếc bánh ngon, người bán cần biết cách thêm gia vị cũng như pha bột, đây là một bước vô cùng quan trọng. Công đoạn này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng bánh được làm ra. Trước đây, Gạo được ngâm nước cho nở. Xong cho nghệ tươi (bánh sẽ ngon hơn so với dùng nghệ khô) hoặc nghệ bột (nếu là bột nghệ thì xay gạo xong hãy cho vào trộn chung với hỗn hợp gạo xay nhuyễn) vào, xay nhuyễn hỗn hợp bột gạo ngâm nở với nghệ tươi cắt nhỏ (đa phần đều dùng máy xay để xay gạo vì nhanh, tiết kiệm thời gian và công sức nhưng ngày trước dùng cối bằng đá để xay, hiện nay có một số gia đình vẫn còn giữ loại cối này và sử dụng).

Tuy nhiên, với ứng dụng của công nghệ, bột bánh xèo đã được trộn sẵn và bày bán rộng rãi, khi mua về chỉ cần pha nước theo tỉ lệ cho trước là có thể mang đi đổ bánh ngay. Ngoài nghệ để tạo cho bánh có màu vàng, nhiều nơi còn sử dụng nước màu dứa để tạo màu, bánh đổ ra thường có màu hơi nâu vàng thay vì có màu vàng nghệ. Kế tiếp cho nước cốt dứa khô (dứa khô nạo nhuyễn cho nước ấm vào bóp sơ rồi vắt nước) vào hỗn hợp với bột đã xay xong, để khoảng 30 phút. Trước khi đổ bánh cho hành lá cắt nhỏ (khoảng 5 mm) vào hỗn hợp bột, trộn đều. Nhiều vùng không sử dụng nước cốt dứa trong bột bánh.

Phần nhân bánh gồm thịt ba chỉ, khi luộc cho chút muối vào nồi, thái mỏng; tôm xào sơ và cho chút muối với bột ngọt; đậu xanh đãi vỏ luộc chín; giá luộc sơ. Ở nhiều vùng, nhân bánh chỉ được sơ chế, ướp sẵn mà không cần làm chín trước khi đổ bánh. Dùng chảo to để chiên bánh, trước khi đổ bột vào dùng một ít dầu ăn cho vào chảo đợt dầu nóng, rồi dùng giá múc một muống bột đổ vào chảo, sau đó nghiêng chảo sao cho bột tráng đều chảo thành một hình tròn, đây nắp lại đến khi bột hơi chín thì cho nhân vào phần giữa, đây nắp lần nữa và chờ vài giây là bánh đã chín giòn. Ở miền trung, bánh xèo được đổ trong các khuôn tròn và phẳng đáy, kích thước vừa phải.

Khi ăn bánh xèo điều không thể thiếu nhất chính là nước chấm và rau sống. Đây là hai nguyên liệu khiến cho món bánh xèo trở nên đậm vị hơn, khi ăn không có cảm giác ngấy. Bánh xèo có màu vàng tươi đi cùng với phần bánh giòn cộng thêm nhân bánh từ tôm và thịt, hành lá khi ăn kèm với rau sống chấm với nước mắm được pha chế chua cay ngọt (để ngon không nên dùng giấm) khiến người ăn sẽ không thể quên được hương vị bánh xèo khi phá chế theo công thức từ bột gạo.



(Ảnh minh họa)

Bánh xèo Việt Nam luôn là một trong những niềm tự hào của chúng ta với bạn bè quốc tế. Khác với những món ngon đất tiền, bánh xèo Việt Nam đơn giản nhưng đậm nét ẩm thực riêng. Từ khâu nguyên liệu, cách chế biến cũng như thưởng thức. Mọi thứ đều rất đơn giản và gần gũi. Hòa quyện lại với nhau cho người ta cảm giác bình yên, mộc mạc nhưng vô cùng đậm đà. Tuy mộc mạc nhưng rất đậm đà, hình ảnh bánh xèo cũng như con người ta vậy đơn giản, hòa đồng, mến khách.

(Tổng hợp từ nhiều nguồn)
